TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kịch.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 261/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T trình bày: Ông T và bà M quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống, hai người có 02 người con chung tên L sinh ngày 09/3/2003 hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng; P sinh ngày 23/7/2007 hiện đang sống với ông T. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau… từ đó, hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà M.

+ Về con chung: Con chung tên L đã trưởng thành, nên ông T không yêu cầu giải quyết; con chung tên P thì ông T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mọi vấn đề có liên quan ông T vẫn giữ nguyên theo lời trình bày có trong hồ sơ và cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Bị đơn bà M:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, về hôn nhân, ông T yêu cầu được ly hôn với bà M; về con chung, con chung tên L đã trưởng thành, nên ông T không yêu cầu giải quyết, con chung tên P thì ông T yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, ông T không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà M là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa

nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà M là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B1, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/10/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau… từ đó, hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, do nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M. Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù bà M biết được việc ông T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà M nhưng trong những lần Tòa án mời hòa giải thì bà M đều vắng mặt, từ đó mà Tòa án đã không tiến hành hòa giải được; hiện nay giữa ông T và bà M cũng không tìm ra được cách thức để hàn gắn tình cảm và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau. Như vậy, việc ông T và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân với nhau, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, ông T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà M. Vì vậy, việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho ông T được ly hôn với bà M.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và bà M có với nhau có 02 người con chung tên L sinh ngày 09/3/2003 và P sinh ngày 23/7/2007. Hiện nay, anh L đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu P đang sống cùng với ông T, do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu P cũng có nguyện vọng được sống chung với ông T trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T và bà M ly hôn với nhau; ông T có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; việc tiếp tục giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P của ông T và giải quyết giao cháu P cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện các quyền này. Bà M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T. Trường hợp bà M có các hành vi này thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà M. Sau khi

ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà M. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 27/10/2003 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang cấp)*

1.2. Về con chung:

- Con chung tên L sinh ngày 09/3/2003 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật, ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Giao người con chung là cháu P sinh ngày 23/7/2007 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà M thực hiện các quyền này. Bà M không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T. Trường hợp bà M có các hành vi này thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà M theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005428, ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B1 (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt